

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 46/2008/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2008

BỘ CÔNG THƯƠNG

ĐẾN SỞ

Ngày

Chuyên:

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
tỉnh Lào Cai đến năm 2020**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai tại các văn bản số 109/TTr-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2007, số 01/UBND-TH ngày 02 tháng 01 năm 2008 và ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 583/BKH-TĐ&GSĐT ngày 23 tháng 01 năm 2008, số 1820/BKH-TĐ&GSĐT về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lào Cai đến năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lào Cai đến năm 2020, với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế đi liền với chất lượng tăng trưởng và tiến bộ công bằng xã hội, giảm bớt khoảng cách chênh lệch về mức sống, giàu nghèo, khó khăn giữa các tầng lớp dân cư và các vùng trong Tỉnh.

2. Tập trung ưu tiên đầu tư phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn, vùng kinh tế động lực đi liền với ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân các dân tộc vùng cao biên giới, vùng khó khăn của Tỉnh.

3. Đặt sự phát triển của Lào Cai trong bối cảnh hội nhập quốc tế, hợp tác, liên kết chặt chẽ với các tỉnh, thành phố trong cả nước; gắn với sự phát triển của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ (Vùng), với quá trình đổi mới của đất nước để phát triển kinh tế có chất lượng cao.

4. Phát huy tiềm năng, lợi thế so sánh của Tỉnh để phát triển; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực của Tỉnh, nhất là nguồn tài nguyên thiên nhiên.

5. Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường, cân bằng sinh thái; không làm tổn hại và suy thoái cảnh quan thiên nhiên.

6. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố an ninh quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị, nền hành chính vững mạnh.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Phấn đấu đến năm 2020, xây dựng Lào Cai trở thành tỉnh phát triển của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ và là tỉnh khá của cả nước; thành phố Lào Cai trở thành Trung tâm kinh tế lớn, đô thị hiện đại, địa bàn quan trọng về hợp tác quốc tế, giao lưu kinh tế của Vùng và cả nước với Trung Quốc và quốc tế; giải quyết tốt các vấn đề văn hóa, xã hội và bảo vệ môi trường tự nhiên; giữ vững ổn định chính trị, an ninh, trật tự an toàn xã hội và chủ quyền quốc gia.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn từ nay đến năm 2010 đạt 13%/năm; giai đoạn 2011 - 2015 đạt 14,5%/năm và giai đoạn 2016 - 2020 đạt 12,5%/năm;

- Phấn đấu GDP bình quân đầu người đạt 13 triệu đồng/người/năm vào năm 2010, đạt 31,8 triệu đồng/người/năm vào năm 2015 và đạt 63,1 triệu đồng/người/năm vào năm 2020;

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng các ngành phi nông nghiệp. Đến năm 2010, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng đạt 34,1%, dịch vụ đạt 38,0% và nông - lâm - thủy sản giảm xuống còn 27,9% trong GDP; đến năm 2015 cơ cấu tương ứng của các ngành đạt 40,1% - 43,6% - 16,3% và đến năm 2020 đạt 40,7% - 49,6% - 9,7%.

b) Mục tiêu xã hội

- Phấn đấu giảm mức sinh bình quân hàng năm khoảng 0,4‰ để ổn định quy mô dân số khoảng 703,6 nghìn người vào năm 2020; tốc độ tăng dân số tự nhiên bình quân hàng năm giai đoạn từ nay đến năm 2010 đạt 1,4%, giai đoạn 2011 - 2020 đạt 1,3%;

- Tốc độ tăng tỷ lệ dân số đô thị bình quân giai đoạn từ nay đến năm 2010 đạt 8,2%/năm, giai đoạn 2011 - 2015 đạt 8,4%/năm, giai đoạn 2016 - 2020 đạt 8,0%/năm; tỷ lệ dân số đô thị đến năm 2010 đạt 27,5%, năm 2015 đạt 38,9% và năm 2020 đạt 53,6%;

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn dưới 20% vào năm 2010, dưới 5% vào năm 2015 và đến năm 2020, cơ bản không còn hộ nghèo;

- Tạo việc làm mới bình quân hàng năm trong giai đoạn từ nay đến năm 2010 cho khoảng 9,5 nghìn người, giai đoạn 2011 - 2020 cho khoảng 5,5 nghìn người;

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đến năm 2010 đạt 36%, năm 2015 đạt trên 55%, năm 2020 đạt trên 75%;

- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng đến năm 2010 giảm xuống còn 26%, năm 2015 giảm còn 20%, năm 2020 giảm còn 15%;

- Giữ vững ổn định chính trị, xã hội, an ninh biên giới, chủ quyền quốc gia.

c) Mục tiêu bảo vệ môi trường:

- Cơ bản phủ xanh đất trống, đồi núi trọc; nâng chất lượng và tỷ lệ che phủ rừng, đạt 48% vào năm 2010, 55% vào năm 2015 và 60% vào năm 2020;

- Giải quyết tốt vấn đề vệ sinh môi trường đô thị, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, khu vực khai thác khoáng sản... , bảo đảm môi trường sạch cả khu vực đô thị và nông thôn;

- Đến năm 2010 đạt 100% dân cư thành thị và trên 75% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch; đến năm 2015 đạt 85%, năm 2020 đạt 98% dân số nông thôn được dùng nước sạch;

- Đến năm 2010 đạt 100% các khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung, trên 75% chất thải rắn được thu gom, xử lý, chất thải y tế được xử lý cơ bản; đến năm 2015 đạt 90% và năm 2020 đạt 100% chất thải rắn được thu gom, xử lý.

III. MỤC TIÊU, PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Nông - lâm - thủy sản

a) Mục tiêu phát triển:

- Tốc độ tăng giá trị gia tăng ngành nông - lâm - thủy sản bình quân hàng năm giai đoạn từ nay đến năm 2010 đạt 6,2% và giá trị sản xuất tăng bình quân hàng năm đạt 6,1%; trong đó: tốc độ tăng giá trị gia tăng ngành nông, lâm nghiệp bình quân hàng năm đạt 6,1% và ngành thủy sản đạt 9,8%;

- Tốc độ tăng giá trị gia tăng ngành nông - lâm - thủy sản bình quân hàng năm giai đoạn 2011 - 2015 đạt 5% và giá trị sản xuất tăng bình quân hàng năm đạt 5,1%; trong đó: tốc độ tăng giá trị gia tăng ngành nông, lâm nghiệp bình quân hàng năm đạt 5,0%, ngành thủy sản đạt 6,2%;

- Tốc độ tăng giá trị gia tăng ngành nông - lâm - thủy sản bình quân hàng năm giai đoạn 2016 - 2020 đạt 4,0% và giá trị sản xuất tăng bình quân hàng năm đạt 4,0%; trong đó: tốc độ tăng giá trị gia tăng ngành nông, lâm nghiệp bình quân hàng năm đạt 4,0%, ngành thủy sản đạt 3,1%;

- Năng suất lao động ngành nông - lâm - thủy sản bình quân đạt 8 triệu đồng/người/năm vào năm 2010, 15 triệu đồng/người/năm vào năm 2015 và 20 triệu đồng/người/năm vào năm 2020.

b) Phương hướng phát triển:

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa; giảm tỷ trọng ngành trồng trọt, tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi và dịch vụ. Phát triển các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh, thâm canh cao đối với các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao, có thị trường ổn định. Phát triển chăn nuôi đại gia súc, nuôi trồng thủy sản và chuyển nhanh sang phương thức chăn nuôi công nghiệp, bán công nghiệp. Phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, nâng cao chất lượng, hiệu quả kinh tế của rừng; trong đó: ưu tiên phát triển rừng kinh tế và chú trọng bảo vệ, phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng đặc dụng.

c) Định hướng sử dụng đất:

- Đất nông nghiệp đến năm 2010, diện tích khoảng 92.231 ha, chiếm 14,5% tổng diện tích tự nhiên; đến năm 2020, diện tích khoảng 103.044 ha, chiếm 16,2% diện tích tự nhiên;

- Đất lâm nghiệp đến năm 2010, diện tích khoảng 306.000 ha, chiếm 48,1% tổng diện tích tự nhiên; đến năm 2020, diện tích khoảng 353.658,2 ha, chiếm 55,6% diện tích đất tự nhiên;

- Đất ở đến năm 2010, diện tích khoảng 5.407 ha, chiếm 0,9% diện tích tự nhiên; đến năm 2020, diện tích khoảng 7.951 ha, chiếm 1,25% diện tích tự nhiên;

- Đất chuyên dùng đến năm 2010, diện tích khoảng 54.703 ha, chiếm 8,6% diện tích tự nhiên; đến năm 2020, diện tích khoảng 130.396 ha, chiếm 20,5% diện tích tự nhiên;

- Đất chưa sử dụng đến năm 2010, diện tích còn khoảng 164.426 ha, chiếm 25,85% diện tích tự nhiên; đến năm 2020, diện tích còn khoảng 41.027 ha, chiếm 6,45% diện tích tự nhiên.

d) Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu:

- Quy hoạch và quản lý sử dụng đất, bố trí hợp lý kế hoạch sử dụng đất ở các xã, phường, thị trấn có dự án trọng điểm;
- Xây dựng các chương trình, dự án trọng điểm để khai thác, sử dụng có hiệu quả và phát huy tiềm năng, lợi thế so sánh trong sản xuất nông nghiệp của Tỉnh;
- Xây dựng hệ thống lai tạo, chọn lọc và sản xuất cây, con giống có năng suất cao; bảo tồn và phát triển các giống con, cây trồng có nguồn gen quý hiếm như: giống gà đen, lợn Mường Khương, bò vàng Si Ma Cai, trâu Bảo Yên, lúa Sến Cù, lúa Khẩu Nậm Xít, lúa Tàu Bay, đậu tương vàng Mường Khương v.v...;
- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản; trong đó: ưu tiên thủy lợi, giống cây, giống con, chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch và phát triển ngành nghề nông thôn;
- Sắp xếp, củng cố bộ máy quản lý nhà nước ngành nông - lâm - thủy sản;
- Chuyển đổi và thành lập mới các hợp tác xã nông nghiệp, phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại;
- Đẩy mạnh hoạt động khuyến nông, khuyến lâm v.v...

2. Công nghiệp - xây dựng

a) Mục tiêu phát triển:

- Tốc độ tăng giá trị gia tăng ngành công nghiệp - xây dựng bình quân hàng năm giai đoạn từ nay đến năm 2010 đạt trên 20,7%; tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành công nghiệp bình quân hàng năm đạt trên 14,3%;
- Tốc độ tăng giá trị gia tăng ngành công nghiệp - xây dựng bình quân hàng năm giai đoạn 2011 - 2015 đạt trên 16,5%; tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành công nghiệp bình quân hàng năm đạt trên 13,4%;
- Tốc độ tăng giá trị gia tăng ngành công nghiệp - xây dựng bình quân hàng năm giai đoạn 2016 - 2020 đạt trên 13%; tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành công nghiệp bình quân hàng năm đạt trên 10,5%;
- Năng suất lao động ngành công nghiệp bình quân đạt 22 triệu đồng/người/năm vào năm 2010, 30 triệu đồng/người/năm vào năm 2015 và 45 triệu đồng/người/năm vào năm 2020.

b) Phương hướng phát triển:

Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, thủy điện, phân bón, hóa chất. Chú trọng phát triển ngành các công nghiệp phụ trợ gắn với các khu, cụm, điểm công nghiệp.

Hình thành các điểm, cụm công nghiệp nhỏ và vừa. Phát triển công nghiệp, gắn với quá trình đô thị hóa. Phát triển nghề, làng nghề tiêu, thủ công nghiệp. Khai thác có hiệu quả các nhà máy còn năng lực cạnh tranh. Ưu tiên đổi mới công nghệ để nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm.

c) Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu:

- Đầu tư phát triển các ngành dệt, may, thêu hàng thổ cẩm truyền thống theo làng nghề tại Sa Pa, Bắc Hà, Văn Bàn v.v...; khuyến khích đầu tư chiều sâu, thay đổi công nghệ và cơ giới hoá một số khâu, công đoạn sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; tạo thương hiệu cho một số sản phẩm, như: rượu ngô (Bắc Hà), rượu San Lung (Bát Xát) và các sản phẩm dệt, may, thêu truyền thống để phục vụ khách du lịch và xuất khẩu;

- Tập trung quản lý, khai thác, chế biến sâu các loại khoáng sản để nâng cao hiệu quả kinh tế, bảo đảm cung cấp nguyên liệu cho các cơ sở sản xuất công nghiệp tại địa phương, trong nước và xuất khẩu;

- Phát triển ngành công nghiệp hóa chất, phân bón theo hướng hiện đại;

- Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp: cơ khí, luyện kim, chế biến nông - lâm sản, vật liệu xây dựng, điện, nước và một số ngành công nghệ và sản phẩm chứa hàm lượng chất xám cao.

3. Dịch vụ

a) Mục tiêu phát triển:

- Tốc độ tăng giá trị gia tăng ngành dịch vụ bình quân giai đoạn từ nay đến năm 2010 đạt 13%/năm; trong đó: nhóm dịch vụ kinh doanh đạt 16,23%/năm; nhóm dịch vụ sự nghiệp đạt 16,5%/năm và nhóm dịch vụ công đạt 7,5%/năm;

- Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng ngành dịch vụ bình quân giai đoạn 2011 - 2015 đạt 18,1%/năm; trong đó: nhóm dịch vụ kinh doanh đạt 19,74%/năm nhóm dịch vụ sự nghiệp đạt 17%/năm và nhóm dịch vụ công đạt 7%/năm;

- Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng ngành dịch vụ bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 14,8%/năm; trong đó: nhóm dịch vụ kinh doanh đạt 15,24%/năm, nhóm dịch vụ sự nghiệp đạt 15,2%/năm và nhóm dịch vụ công đạt 6,5%/năm;

- Năng suất lao động ngành bình quân đạt 18 triệu đồng/người/năm vào năm 2010, 25 triệu đồng/người/năm vào năm 2015 và 40 triệu đồng/người/năm vào năm 2020.

b) Phương hướng phát triển:

Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ; chuyển dịch mạnh cơ cấu nội ngành dịch vụ. Ưu tiên phát triển các ngành dịch vụ mang tính đột phá, phục vụ phát triển giao lưu ngoại thương, kinh tế cửa khẩu, như: xuất nhập khẩu, thương mại, du lịch, thông tin liên lạc, tài chính, giáo dục, tư vấn pháp lý, tư vấn kinh doanh, công chứng, giám định, bán đấu giá tài sản, Internet. Giai đoạn từ nay đến năm 2010, tập trung phát triển các loại hình dịch vụ hỗ trợ, phục vụ phát triển các ngành công nghiệp và xã hội như: vận tải, xuất nhập khẩu, thương mại, thông tin liên lạc; trong giai đoạn 2011 - 2020, tập trung phát triển các ngành dịch vụ chủ đạo, có cơ hội và vị thế cạnh tranh trên các lĩnh vực giao lưu thương mại, kinh tế cửa khẩu, công nghệ thông tin và truyền thông, khoa học và công nghệ, du lịch.

c) Phương hướng phát triển một số ngành chủ yếu:

- Thương mại

+ Mục tiêu phát triển:

Giai đoạn từ nay đến năm 2010, tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ xã hội tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 23,5%, đạt 4.309 tỷ đồng vào năm 2010; tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu tăng bình quân hàng năm đạt 22,5%, trong đó kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân hàng năm đạt 24,5%, đạt 299 triệu USD vào năm 2010.

Giai đoạn 2011 - 2015, tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ xã hội tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 24,2%, đạt 12.736 tỷ đồng vào năm 2015; tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu tăng bình quân hàng năm đạt 23,4%, trong đó kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân hàng năm đạt 25,1%, đạt 917 triệu USD vào năm 2015.

Giai đoạn 2016 - 2020, tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ xã hội tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 15,4%, đạt 26.065 tỷ đồng vào năm 2020; tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu tăng bình quân hàng năm đạt 16,2%, trong đó kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân hàng năm đạt 15,5%, đạt 1.884 triệu USD vào năm 2020.

+ Phương hướng, nhiệm vụ phát triển chủ yếu:

Quy hoạch, đầu tư phát triển dịch vụ thương mại từ tỉnh tới các trung tâm xã. Khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế về kinh tế đối ngoại. Tăng cường hợp tác kinh tế với tỉnh Vân Nam, Tứ Xuyên, Quý Châu và các tỉnh Tây Nam Trung Quốc. Nâng cao chất lượng dịch vụ cửa khẩu. Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Cửa khẩu quốc tế Lào Cai - Hà Khẩu; xây dựng Cửa khẩu quốc gia Mường Khương - Kiều Đầu, các cửa khẩu phụ

có tiềm năng giao lưu trao đổi hàng hoá với Trung Quốc như: Cửa khẩu Bát Xát, Na Mo v.v... Xây dựng Khu thương mại - công nghiệp Kim Thành thuộc phạm vi Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai thành khu kinh tế đặc biệt. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, dịch vụ và đầu tư, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm, đăng ký nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm.

- Du lịch

+ Mục tiêu phát triển:

Giai đoạn từ nay đến năm 2010, công suất sử dụng phòng của các khách sạn đạt 65%; tổng lượt khách du lịch tăng bình quân hàng năm đạt 9,4%, đạt trên 782 nghìn lượt khách vào năm 2010, trong đó: khách nội địa tăng bình quân hàng năm đạt 9%, khách quốc tế tăng bình quân hàng năm đạt 10%; doanh thu từ hoạt động du lịch tăng bình quân hàng năm đạt 26%.

Giai đoạn 2011 - 2015, công suất sử dụng phòng của các khách sạn đạt 80%; tổng lượt khách du lịch tăng bình quân hàng năm đạt 8,3%, đạt 1.163 nghìn lượt khách vào năm 2015, trong đó: khách nội địa tăng bình quân hàng năm đạt 7,5%, khách quốc tế tăng bình quân hàng năm đạt 9,5%; doanh thu từ hoạt động du lịch tăng bình quân hàng năm đạt 18,5%.

Giai đoạn 2016 - 2020, công suất sử dụng phòng của các khách sạn đạt 90%; tổng lượt khách du lịch tăng bình quân hàng năm đạt 5,2%, đạt trên 1,5 triệu lượt khách vào năm 2020, trong đó: khách nội địa tăng bình quân hàng năm đạt 3,5%, khách quốc tế tăng bình quân hàng năm đạt 7,6%; doanh thu từ hoạt động du lịch tăng bình quân hàng năm đạt 8,5%.

+ Phương hướng phát triển:

Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, với các sản phẩm tiêu biểu: du lịch nghỉ mát, leo núi, văn hoá dân tộc, lễ hội truyền thống, sinh thái. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch. Phát triển mạnh du lịch, gắn với bảo vệ, tôn tạo các di tích lịch sử, di tích văn hóa, khu bảo tồn thiên nhiên. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ hoạt động du lịch. Chú trọng đầu tư phát triển các tuyến, điểm, khu du lịch và các dịch vụ phục vụ khách du lịch. Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế về lĩnh vực du lịch.

- Vận tải, thông tin liên lạc

Giai đoạn từ nay đến năm 2010, tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng bình quân hàng năm đạt 14,1%, đạt 143 tỷ đồng vào năm 2010; giai đoạn 2011 - 2015, tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 18,2%, đạt 330 tỷ đồng vào năm 2015; giai đoạn 2016 - 2020, tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 15,2%, đạt 669 tỷ đồng vào năm 2020.

- Tài chính - ngân hàng

Giai đoạn từ nay đến năm 2010, tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng bình quân hàng năm đạt 26,9%, đạt 198 tỷ đồng vào năm 2010; giai đoạn 2011 - 2015, tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 25,8%, đạt 623 tỷ đồng vào năm 2015; giai đoạn 2016 - 2020, tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 16,6%, đạt 1.343 tỷ đồng vào năm 2020.

- Khoa học - kỹ thuật

Giai đoạn từ nay đến năm 2010, tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng bình quân hàng năm đạt 12,4%, đạt 3 tỷ đồng vào năm 2010; giai đoạn 2011 - 2015, tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 13,2%, đạt 6 tỷ đồng vào năm 2015; giai đoạn 2016 - 2020, tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 10,2%, đạt 10 tỷ đồng vào năm 2020.

- Nâng cao các loại hình dịch vụ về vệ sinh môi trường, nước sinh hoạt, phục vụ công cộng.

4. Các lĩnh vực xã hội

a) Giáo dục - đào tạo

- Mục tiêu phát triển:

+ Đến năm 2010, tỷ lệ huy động trẻ em 6 - 14 tuổi đến trường đạt 99,5%, đến năm 2015 đạt 100%;

+ Đến năm 2010, có 30% số trường mầm non, 25% số trường tiểu học, 20% số trường trung học cơ sở và 20% số trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia; đến năm 2015, các chỉ tiêu tương ứng đạt 60%, 55%, 50% và 50%; đến năm 2020 đạt 80%, 85%, 85% và 85%;

+ Đến năm 2010, có đủ giáo viên tất cả các bộ môn; đạt trên 10% giáo viên mầm non, 30% giáo viên tiểu học, 20% giáo viên trung học cơ sở và 5% giáo viên trung học phổ thông trên chuẩn; đến năm 2015 và 2020, các mục tiêu tương ứng đạt 40% và 85% giáo viên mầm non, 60% và 90% giáo viên tiểu học, 75% và 90% giáo viên trung học cơ sở, và 45% và 90% giáo viên trung học phổ thông đạt trên chuẩn;

+ Đến năm 2010, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào lớp 10 và các trường dạy nghề đạt trên 70%; đến năm 2015 đạt 85% và đến năm 2020 đạt 98%;

+ Đến năm 2010, trên 20% trẻ em dưới 3 tuổi đến nhà trẻ, nhóm trẻ; đến năm 2015 đạt 30% và năm 2020 đạt 50%. Tỷ lệ huy động trẻ em 5 tuổi đến lớp mẫu giáo đạt 95% vào năm 2010; đến năm 2015 đạt 99% và năm 2020 đạt 100%. Phần đầu đến năm 2010, tỷ lệ trẻ em mầm non suy dinh dưỡng còn dưới 12%; đến năm 2015 còn dưới 10% và năm 2020 còn dưới 5%;

+ Đến năm 2010, tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đến trường đạt 99%; tỷ lệ học sinh trong độ tuổi vào trung học phổ thông đạt 50% và tỉnh đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở.

- Phương hướng phát triển:

Huy động mọi nguồn lực và đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục nhằm bảo đảm đủ trường, lớp học và đội ngũ giáo viên. Hoàn thành chương trình kiên cố hoá trường, lớp học. Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, trung tâm học tập cộng đồng phủ kín tới xã (xã, phường, thị trấn). Cùng cố các trường phổ thông dân tộc nội trú, khuyến khích phát triển mô hình trường phổ thông dân tộc bán trú. Đẩy mạnh công tác đào tạo, dạy nghề; đa dạng hóa các loại hình đào tạo, mở rộng quy mô và hình thức đào tạo ở trường chuyên nghiệp trong Tỉnh với các ngành nghề phù hợp với nhu cầu phát triển sản xuất. Xây dựng trường Đại học Cộng đồng tại thành phố Lào Cai.

b) Y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng

- Mục tiêu phát triển:

+ Đến năm 2010, tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 1 tuổi giảm xuống 29,7‰; tiêm chủng vaccin phòng bệnh đầy đủ cho trẻ em dưới 1 tuổi hàng năm đạt 95%; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 26%; khám chữa bệnh bình quân trên 2 lần/người/năm; có trên 70% các cơ sở chế biến, kinh doanh thực phẩm đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm. Đến năm 2015, các mục tiêu tương ứng đạt 27‰; 98%; 22%; 2,6 lần/người/năm và 90%. Đến năm 2020, các mục tiêu tương ứng đạt 25‰; 100%; 18%; 3 lần/người/năm và 95%.

+ Đến năm 2010, bệnh viện tuyến huyện đạt quy mô trên 80 giường bệnh; 60% phòng khám đa khoa khu vực và trạm y tế xã được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cả về cơ sở vật chất, thiết bị và nhân lực y tế; 60% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã. Đến năm 2015, 100% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã.

- Phương hướng phát triển:

Tăng cường đầu tư xây dựng mới, nâng cấp các cơ sở khám, chữa bệnh, hệ thống y tế dự phòng; cơ bản hoàn thành hệ thống khám, chữa bệnh các tuyến theo quy hoạch ngành. Đẩy mạnh xã hội hoá công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân. Nâng cao trình độ chuyên môn, quản lý và y đức cho cán bộ y tế các tuyến.

c) Văn hoá, thông tin và thể dục, thể thao

- Mục tiêu phát triển:

+ Đến năm 2010, phần đầu đạt 80% gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá, trong đó ở đô thị đạt 85%, nông thôn vùng thấp đạt 75% và vùng cao đạt 65%. Đến năm 2020, tỷ lệ này đạt 90%, trong đó: ở đô thị đạt 95%, nông thôn vùng thấp đạt 85% và vùng cao đạt 75%.

+ Đến năm 2010, phần đầu đạt 40% số làng, bản văn hoá; đạt 75% tổ dân phố văn hoá. Đến năm 2020, tỷ lệ này đạt 55% làng, bản văn hoá, đạt 85% tổ dân phố văn hoá.

+ Đến 2010, phần đầu đạt 35% thôn, bản có nhà văn hoá thôn, bản được xây dựng đồng bộ, trong đó vùng biên giới, khó khăn đạt 20%. Đến năm 2020 tỷ lệ trên đạt 65%, trong đó vùng biên giới, khó khăn đạt 35%.

+ Đến năm 2010, đạt 95% số xã có quỹ đất xây dựng các công trình thể dục, thể thao; đạt 50% số xã/phường được xây dựng các điểm tập luyện thể dục, thể thao. Đến năm 2020, các tỷ lệ tương ứng đạt 98% và 80%.

- Phương hướng phát triển:

Xây dựng các thiết chế văn hóa. Phát huy bản sắc văn hoá dân tộc. Xây dựng làng (làng, thôn, bản) văn hoá, gia đình văn hoá. Đưa bản sắc và sự đa dạng văn hoá của các dân tộc trong Tỉnh là nguồn lực phát triển. Xây dựng các thiết chế thể thao tại thành phố Lào Cai: nhà thi đấu, bể bơi, sân vận động; khu luyện tập thể thao tại Sa Pa. Xây dựng Lào Cai trở thành trung tâm thể thao vùng Tây Bắc và đối ngoại.

d) Phát thanh, truyền hình, tuyên truyền báo chí:

- Mục tiêu phát triển:

+ Đến năm 2010, phần đầu đạt 95% số hộ nghe được đài, 90% số hộ xem được truyền hình; đến năm 2020, tỷ lệ tương ứng đạt 100%.

+ Đến năm 2010, phần đầu thời lượng phát thanh địa phương tăng gấp 1,5 lần; thời lượng truyền hình địa phương tăng gấp 8 lần (trung bình 15 giờ/ngày); số báo phát hành tăng gấp 3 lần; thời lượng phát thanh, truyền hình, báo vùng cao bằng tiếng dân tộc tăng ít nhất 2 lần so với năm 2005.

- Phương hướng phát triển:

Tiếp tục nâng thời lượng tiếp sóng, phát sóng Đài Truyền hình Việt Nam và Đài Tiếng nói Việt Nam; phát triển dịch vụ truyền hình cáp, số vệ tinh và kỹ thuật số mặt đất để truyền hình phủ sóng cho các vùng, địa bàn khác nhau trong tỉnh.

5. Phát triển kết cấu hạ tầng

a) Phát triển mạng lưới giao thông

- Đường bộ

+ Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Lào Cai - Nội Bài. Cầu Kim Thành nối thành phố Lào Cai (Việt Nam) với thị trấn Hà Khẩu (Trung Quốc).

+ Phát triển các đường vành đai: vành đai 1A (vành đai biên giới): hướng tuyến cơ bản trùng với đường hành lang biên giới nối tiếp từ thị xã Hà Giang đi theo quốc lộ 4 đến Mường Khương - đi theo quốc lộ 4D đến Bản Phiệt - theo quốc lộ 70 đến thành phố Lào Cai - theo quốc lộ 4D đến đỉnh đèo Trạm Tôn (Sa Pa) sau đó đi sang Lai Châu. Đến năm 2010 đầu tư, nâng cấp kết nối toàn bộ quốc lộ 4C, 4D v.v... thành vành đai quốc lộ 4 để thống nhất việc quản lý và đầu tư nâng cấp theo tiêu chuẩn đường cấp IV. Vành đai 1B gần biên giới: xuất phát từ thành phố Lào Cai (từ điểm cuối của quốc lộ 4E) đi theo tỉnh lộ 156 qua thị trấn Bát Xát đến Bản Vược - Trịnh Tường - A Mú Sung - Ý Tý - Dền Sáng - sang huyện Phong Thổ (Lai Châu). Tuyến đường này đi sát biên giới vừa là đường hành lang, đường vành đai, nhiều đoạn là đường tuần tra biên giới nên có ý nghĩa đặc biệt quan trọng cần sớm được đầu tư nâng cấp. Nghiên cứu chuyển đổi đoạn tuyến này thành Quốc lộ 4E kéo dài qua 2 tỉnh Lào Cai và Lai Châu và nâng cấp tuyến này để việc đầu tư xây dựng và quản lý được thuận tiện.

+ Phát triển tuyến giao thông nội tỉnh: nâng cấp các tuyến đường tỉnh lộ: xây dựng cầu Cốc Ly nối tỉnh lộ 153 (đường Bắc Ngâm - Bắc Hà) với tỉnh lộ 154 (đường Hoàng Liên Sơn 2); nâng cấp tỉnh lộ 155 (đường Ô Quý Hồ - Bản Xèo); nâng cấp tỉnh lộ 153 (Bắc Ngâm - Bắc Hà - Si Ma Cai) đoạn còn lại; triển khai xây dựng đường D2 (thành phố Lào Cai) theo quy mô đường cấp II đô thị; nâng cấp tỉnh lộ 151 (đường 79). Đến năm 2010, hoàn thành chương trình đầu tư đường giao thông đến trung tâm các xã chưa có đường giao thông và hoàn thành đầu tư xây dựng hệ thống đường tuần tra biên giới.

- Đường sắt

Giai đoạn từ nay đến năm 2010, nâng cấp tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai hiện tại để đáp ứng nhu cầu vận tải đến năm 2015; giai đoạn 2016 - 2020, nghiên cứu xây dựng đường sắt đôi, khổ ray rộng 1.435mm đạt tiêu chuẩn quốc tế để đáp ứng nhu cầu vận tải trong tương lai.

- Đường hàng không

Giai đoạn từ nay đến năm 2010, nghiên cứu đầu tư xây dựng sân bay Taxi, đồng thời hoàn thành công tác chuẩn bị để đến giai đoạn 2011 - 2015 triển khai xây dựng sân bay Lào Cai (nhà ga, đường hạ cất cánh) cho loại máy bay ATR72/F70, quy mô đáp ứng 2 chuyến/1 tuần.

- Đường thủy

Đoạn từ thành phố Lào Cai đến giáp địa phận tỉnh Yên Bái sẽ đầu tư nâng cấp chỉnh trị gềnh thác, xây dựng âu tàu để khai thác vận tải bằng sà lan trên 100 tấn; xây dựng một cảng sông khu vực thành phố Lào Cai.

b) Phát triển mạng lưới thủy lợi

Nâng cấp, tu bổ các công trình thủy lợi hiện có; đẩy mạnh việc kiên cố hoá kênh, mương và các công trình thủy lợi; xây dựng các hồ chứa nước nhỏ và vừa. Tiếp tục đầu tư, nâng cấp công trình thủy lợi Cốc Ly, huyện Bắc Hà và hệ thống kênh mương hiện có. Xây dựng mới các công trình thủy lợi Văn Bàn, Sa Pa, Bảo Thắng, Mường Khương, Bảo Yên, Tây Bắc Xát. Ưu tiên đầu tư các công trình cấp nước sinh hoạt cho toàn vùng, đặc biệt là vùng cao, vùng núi đá vôi có dân cư và địa bàn thiếu nguồn nước về mùa khô như: Mường Khương, Bắc Hà v.v... Xây dựng các công trình kè bờ sông biên giới chống xói lở, bảo đảm an toàn đường biên giới và sản xuất, đời sống của nhân dân.

c) Phát triển mạng lưới điện

- Xây dựng đường dây 220KV và trạm biến áp 110 - 220 KV theo Quy hoạch điện VI (Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 110/2007/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2007).

- Tập trung đầu tư, nâng cấp cho các xã hiện chưa có điện lưới, xây dựng hoàn chỉnh hệ thống điện cho các trung tâm đô thị, các khu công nghiệp, khu thương mại. Đầu tư khai thác có hiệu quả thủy điện nhỏ và vừa.

6. Quốc phòng, an ninh

Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố thể trận quốc phòng toàn dân và thể trận an ninh nhân dân. Triển khai xây dựng kiên cố các đồn, trạm biên phòng; đầu tư xây dựng đường vành đai biên giới, đường tuần tra biên giới, củng cố và phát triển toàn diện Khu kinh tế - quốc phòng huyện Bát Xát; xây dựng vững chắc khu vực phòng thủ tỉnh, huyện trên địa bàn. Từng bước xây dựng các xã phường biên giới mạnh về kinh tế, vững về an ninh, quốc phòng. Duy trì trật tự, kỷ cương, an toàn xã hội, giảm tội phạm và tệ nạn xã hội; kịp thời giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; tạo môi trường xã hội ổn định.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương hướng tổ chức phát triển trung tâm kinh tế, trực, tuyến động lực phát triển kinh tế

a) Vùng trung tâm, động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, bao gồm: thành phố Lào Cai, khu kinh tế cửa khẩu, Trung tâm thương mại Kim Thành, sân bay Lào Cai.

b) Hành lang đô thị công nghiệp, dịch vụ thương mại và du lịch: thành phố Lào Cai, thị trấn Bắc Ngầm, Bảo Hà, Phố Lu, Phố Ràng.

c) Trục phát triển kinh tế du lịch, nông, lâm nghiệp, công nghiệp chế biến bao gồm: thành phố Lào Cai - Sa Pa, Bảo Thắng (Phố Lu, Tàng Loông) - Bắc Hà.

d) Trục phát triển kinh tế với an ninh quốc phòng bao gồm: Bát Xát - thành phố Lào Cai - Mường Khương - Si Ma Cai.

2. Phát triển hệ thống đô thị, bố trí dân cư, nông thôn

a) Định hướng phát triển hệ thống đô thị đến năm 2020: thành phố Lào Cai nâng cấp trở thành đô thị loại II - trung tâm của Tỉnh và vùng biên giới Việt - Trung.

b) Phát triển nâng cấp thêm 4 thị xã bao gồm: thị xã du lịch Sa Pa, thị xã Phố Ràng, thị xã Phố Lu, thị xã Bát Xát; nâng cấp thêm đô thị trung tâm huyện: thị trấn Khánh Yên, Bắc Hà, Mường Khương, Si Ma Cai; phát triển đô thị trung tâm tiểu vùng kinh tế cơ sở: Phong Hải, Tàng Loỏng, Bắc Ngâm, Bảo Hà, Bản Vược; phát triển các đô thị chuyên ngành: Sa Pa, Phố Ràng, Phố Lu, Bát Xát, Phong Hải, Tàng Loỏng, Bắc Ngâm, Bảo Hà, Bản Vược; khu kinh tế quốc phòng: Khánh Yên - Văn Bàn; phát triển khu đô thị biên giới: Bản Phiệt, Bản Lầu, Pha Long, thành phố Lào Cai, Ý Tý, Bản Vược, Mường Khương, Si Ma Cai; phát triển 2 đô thị trung tâm vùng huyện: Phố Ràng và Bắc Hà.

c) Xây dựng các trung tâm cụm xã, vùng xã, đặc biệt là các xã biên giới gắn với việc bố trí lại dân cư trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

d) Giai đoạn từ nay đến năm 2010, tiếp tục đẩy mạnh công tác sắp xếp, bố trí lại dân cư ở các xã vùng cao, biên giới, các xã đặc biệt khó khăn. Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn: đường giao thông, thủy lợi, cấp điện, cấp nước sinh hoạt v.v...

3. Quy hoạch không gian phát triển công nghiệp

a) Giai đoạn từ nay đến năm 2010, tập trung đầu tư hạ tầng và lấp đầy các cụm công nghiệp Đông Phố Mới, Bắc Duyên Hải và Khu công nghiệp Tàng Loỏng.

b) Giai đoạn 2011 - 2020, quy hoạch các khu, cụm công nghiệp gắn với các trục giao thông như quốc lộ 70, 4D, đường cao tốc Lào Cai - Hà Nội.

4. Phương hướng tổ chức không gian ngành thương mại

a) Đến năm 2020, xây dựng được một sàn - trung tâm giao dịch hàng hoá với quy mô vừa, diện tích sàn từ 5.000 - 10.000m², phục vụ giao dịch cho 200 đối tác trong một phiên giao dịch.

b) Giai đoạn từ nay đến năm 2010, tập trung khai thác hiệu quả Trung tâm thương mại cửa khẩu quốc tế Lào Cai và Trung tâm thương mại Kim Thành; giai đoạn 2011 - 2020, phát triển thêm 2 trung tâm thương mại tại đô thị mới Lào Cai - Cam Đường và thị trấn Sa Pa.

c) Siêu thị: giai đoạn từ nay đến năm 2010, cải tạo, nâng cấp các siêu thị hiện có, phát triển mới các siêu thị tại các khu vực đô thị tập trung dân cư (thành phố Lào Cai và một số trung tâm huyện); giai đoạn 2011 - 2020, phân đầu các thị trấn huyện, thị trấn khu công nghiệp đều có siêu thị đạt tiêu chuẩn.

d) Thực hiện kiên cố hoá hệ thống chợ, phân đầu đến năm 2010 cơ bản xoá các chợ tạm. Giai đoạn từ nay đến năm 2010, cải tạo nâng cấp 11 chợ, xây dựng mới 18 chợ đang hoạt động, phát triển 8 chợ mới. Giai đoạn 2011 - 2020, cải tạo nâng cấp 20 chợ, phát triển 15 chợ mới.

đ) Quy hoạch xây dựng lò giết mổ gia súc, gia cầm ở khu ngoại ô của thành phố Lào Cai và các thị trấn; quy hoạch mạng lưới kho vận đầu mối, mạng lưới xăng dầu.

5. Phương hướng tổ chức không gian phát triển du lịch

a) Tổ chức không gian các vùng động lực phát triển du lịch:

- Vùng 1: thành phố Lào Cai - đây là vùng động lực, là nơi trung chuyển đến các khu, điểm du lịch khác;

- Vùng 2: phía Tây Bắc, bao gồm: huyện Sa Pa, Bát Xát - đây là vùng núi thuộc dãy Hoàng Liên Sơn, có khí hậu mát mẻ và hệ động thực vật phong phú, còn nguyên sinh rất thuận lợi cho đầu tư phát triển các khu nghỉ mát chất lượng cao, khu du lịch sinh thái, văn hoá;

- Vùng 3: phía Đông Bắc, bao gồm: huyện Bắc Hà, Si Ma Cai, Mường Khương;

- Vùng 4: phía Tây Nam, bao gồm: huyện Bảo Yên, Bảo Thắng và Văn Bàn - vùng này tập trung phát triển du lịch sinh thái, tham quan di tích lịch sử.

b) Quy hoạch các tuyến, điểm du lịch:

- Phát triển trung tâm du lịch Sa Pa. Quy hoạch phát triển Sa Pa trở thành một thị xã du lịch, đô thị loại IV của Lào Cai. Tại đây sẽ quy hoạch xây dựng trung tâm du lịch của quốc gia, đầu tư xây dựng các khu du lịch có tầm cỡ quốc tế, xây dựng trung tâm huấn luyện và phục hồi sức khỏe cho các vận động viên của các đoàn thể thao trong nước và nước ngoài; trung tâm hội nghị, hội thảo tầm cỡ quốc gia;

- Quy hoạch tuyến du lịch nội tỉnh: tuyến thành phố Lào Cai - Sa Pa - thành phố Lào Cai; tuyến thành phố Lào Cai - Bắc Hà - thành phố Lào Cai; tuyến Sa Pa - thành phố Lào Cai - Bắc Hà;

- Quy hoạch phát triển tuyến du lịch ngoại tỉnh: tuyến Lào Cai - Yên Bái - Phú Thọ - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; tuyến Lào Cai - Yên Bái - Phú Thọ - Hà Nội - Hồ Chí Minh - Tiền Giang - Hải Phòng - Quảng Ninh - Lào Cai;

- Quy hoạch phát triển tuyến du lịch quốc tế: Lào Cai - Vân Nam và các tỉnh Tây Nam Trung Quốc.

6. Tổ chức không gian sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

a) Quy hoạch mở rộng quy mô sản xuất các loại cây ăn quả, cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao như: chè chất lượng cao ở huyện Bảo Thắng, Mường Khương, Bắc Hà, Bát Xát; sản xuất rau an toàn và hoa hàng hoá ở huyện Sa Pa, Bắc Hà, thành phố Lào Cai; trồng cây thuốc lá ở huyện Mường Khương, Si Ma Cai, Bát Xát, Bắc Hà; sản xuất và cung ứng giống lúa lai F1 ở huyện Bát Xát, Bảo Thắng.

b) Quy hoạch diện tích trồng cỏ khoảng 1.500 ha để cải tạo và phát triển chăn nuôi tại chỗ giống bò vàng vùng cao ở huyện Bắc Hà, Si Ma Cai, Mường Khương, Bát Xát, Sa Pa; phát triển đàn bò lai Zêbu vùng thấp ở huyện Bảo Thắng, Bát Xát, Bảo Yên, Văn Bàn; phát triển đàn trâu trong 8 huyện (trừ thành phố Lào Cai).

c) Phát triển diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 1.500 ha vào năm 2010, trong đó chuyển diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản. Khai thác lợi thế phát triển các loại thủy sản đặc sản: cá hồi, cá tầm v.v...

d) Phát triển mạnh 3 loại rừng (rừng phòng hộ, rừng kinh tế kết hợp phát triển rừng sản xuất, rừng đặc dụng). Đầu tư các cơ sở chế biến sản phẩm từ rừng như: gỗ, trúc, đặc sản rừng v.v... Bảo tồn và phát huy các nguồn gen quý hiếm tại Vườn quốc gia Hoàng Liên và Khu bảo tồn thiên nhiên Hoàng Liên Sơn - Văn Bàn.

V. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Huy động vốn đầu tư phát triển

Dự kiến tổng nhu cầu vốn đầu tư cho việc thực hiện Quy hoạch là rất lớn so với khả năng nguồn lực của Tỉnh và sự hỗ trợ của Trung ương. Vì vậy, để đáp ứng được nhu cầu vốn đầu tư như trên, Tỉnh cần có hệ thống các biện pháp huy động vốn một cách tích cực, trong đó: huy động nguồn nội lực và nguồn vốn từ quỹ đất là chủ yếu; có cơ chế, chính sách thích hợp để thu hút vốn từ các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh; đẩy mạnh xã hội hoá trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hoá, thể thao v.v..., tập trung vào một số giải pháp chủ yếu sau:

a) Nguồn vốn ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) dành chủ yếu cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội.

b) Tiếp tục tạo thêm nguồn vốn từ quỹ đất, thực hiện cơ chế đấu giá quyền sử dụng đất để thu hút các nguồn vốn vào xây dựng kết cấu hạ tầng, các khu đô thị mới, khu công nghiệp v.v...; sử dụng quỹ đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng cần thiết cho phát triển công nghiệp. Rà soát, thu hồi các khu đất không sử dụng, sử dụng không đúng mục đích.

c) Tiếp tục nghiên cứu, ban hành hoặc đề xuất ban hành các cơ chế, chính sách để thúc đẩy hệ thống doanh nghiệp của Tỉnh phát triển mạnh hơn cả về số lượng, chất lượng; tạo điều kiện để các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh có thể phát hành và niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán; thực hiện chủ trương “Nhà nước và nhân dân cùng làm” để bê tông hóa kênh mương, xây dựng và kiên cố hóa hệ thống giao thông nông thôn.

d) Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng các cơ chế, chính sách ưu đãi, thông thoáng, tạo môi trường đầu tư thuận lợi, tích cực xúc tiến đầu tư để thu hút các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài vào đầu tư tại Tỉnh.

đ) Tranh thủ và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức của nước ngoài (ODA).

2. Phát triển nguồn nhân lực

Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Tỉnh. Lập kế hoạch, hỗ trợ tích cực và mở rộng hơn nữa việc đào tạo mới và đào tạo lại đội ngũ doanh nhân, quản trị doanh nghiệp. Có chính sách thoả đáng nhằm thu hút cán bộ kinh tế, khoa học kỹ thuật, các chuyên gia giỏi, công nhân lành nghề, các nghệ nhân về Tỉnh làm việc. Mở rộng hợp tác, liên kết với các cơ sở đào tạo có uy tín trong và ngoài Tỉnh để đào tạo lao động kỹ thuật lành nghề. Khuyến khích các doanh nghiệp góp vốn và trang bị phương tiện để nâng cao chất lượng đào tạo hoặc liên kết đào tạo. Xây dựng các cơ sở đào tạo phù hợp với điều kiện và yêu cầu thực tế. Đẩy mạnh công tác xã hội hoá về giáo dục, huy động mọi nguồn lực trong xã hội để phát triển giáo dục.

3. Phát triển khoa học - công nghệ và bảo vệ môi trường

Khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh tập trung đầu tư cải tiến công nghệ sản xuất. Đầu tư phát triển khoa học và công nghệ, tạo ra bước đột phá về năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa. Đào tạo lại đội ngũ cán bộ khoa học trong các lĩnh vực công nghệ, quản trị, kinh doanh, bảo vệ môi trường. Liên kết với các viện nghiên cứu, các trường đại học, hỗ trợ kinh phí cho các công trình nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp.

4. Nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước

Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách; đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính; tăng cường chỉ đạo, điều hành thực hiện quy hoạch, kế hoạch.

5. Lao động, việc làm và các chính sách xã hội

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình (Chương trình giảm nghèo, Chương trình 135 giai đoạn II ...), các chính sách, biện pháp trợ giúp phát triển kinh tế và tiếp cận các dịch vụ xã hội cho người nghèo. Nghiên cứu,

xây dựng, ban hành các chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, phát triển mạng lưới dạy nghề cho người lao động, nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo và đào tạo nghề. Thực hiện tốt các chính sách xã hội như: chăm sóc người có công, bảo trợ xã hội, phòng, chống tệ nạn xã hội v.v... theo hướng xã hội hoá.

6. Phát triển kinh tế đối ngoại

Mở rộng hợp tác, liên kết kinh tế với các tỉnh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ, các vùng kinh tế trọng điểm để phát triển. Xây dựng thành phố Lào Cai thành Trung tâm kinh tế quốc tế mở. Hợp tác trong lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị; phối hợp trong quy hoạch các khu, cụm công nghiệp, cung cấp dịch vụ, nguồn nguyên liệu và thị trường. Hợp tác về trao đổi thông tin và xúc tiến thương mại, tổ chức hội chợ và triển lãm. Khai thông thị trường, nâng cao sức cạnh tranh của các sản phẩm, đảm bảo tính chủ động với tiến trình hội nhập khu vực và quốc tế. Tạo môi trường thông thoáng để thu hút các nguồn đầu tư, viện trợ nước ngoài. Duy trì, mở rộng các thị trường xuất khẩu Trung Quốc, chủ động tìm kiếm thị trường quốc tế mới. Cung cấp kịp thời các thông tin kinh tế, nhất là về cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động kinh tế - xã hội của các thành phần kinh tế. Tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận thông tin, thâm nhập và mở rộng thị trường.

7. Bảo đảm an ninh, quốc phòng

Tiếp tục thực hiện chiến lược quốc phòng, an ninh, xây dựng tỉnh khu vực phòng thủ. Phát động phong trào quần chúng nhân dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc. Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm an ninh quốc phòng. Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật trong cán bộ, nhân dân; công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự trên địa bàn; kiên quyết trấn áp và xử lý các loại tội phạm. Đẩy mạnh công tác nắm tình hình cơ sở, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân nhằm tạo niềm tin và môi trường xã hội an toàn, trong sạch.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT QUY HOẠCH

1. Tổ chức công bố, phổ biến Quy hoạch

a) Tổ chức công bố, phổ biến Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh giai đoạn từ nay đến năm 2020 cho các cấp ủy Đảng và chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh.

b) Tổ chức giới thiệu, quảng bá về tiềm năng, lợi thế, các dự án ưu tiên đầu tư trong các dịp mời gọi, xúc tiến đầu tư để các nhà đầu tư ngoài tỉnh tìm đến và đầu tư.

2. Xây dựng chương trình hành động và xúc tiến đầu tư

a) Sau khi Quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, trên cơ sở các mục tiêu của Quy hoạch, xây dựng chương trình hành động, từng bước thực hiện đạt mục tiêu Quy hoạch. Trước mắt, xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện đạt được các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XIII.

b) Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, chú trọng vào các dự án trọng điểm có sản phẩm chủ lực, mang tính quyết định đến sự thành công trong việc thực hiện mục tiêu Quy hoạch.

c) Xây dựng một số chương trình sản phẩm chủ lực của Tỉnh và tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc, tạo động lực mới cho phát triển sản xuất - kinh doanh của nhân dân. Đồng thời có các chính sách thực sự khuyến khích, ưu đãi đối với việc phát triển sản xuất và kinh doanh các sản phẩm chủ lực này về thị trường vốn, đất.

d) Từng bước cụ thể hóa công tác quy hoạch và đưa vào các kế hoạch 5 năm, hàng năm để thực hiện. Tùy theo sự thay đổi của tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch kịp thời cho phù hợp với quá trình phát triển.

đ) Các cấp, các ngành và nhân dân trong Tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy hoạch.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh nêu trong Quy hoạch sau khi đã được phê duyệt; phối hợp với các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện theo quy định các nội dung sau:

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện; quy hoạch phát triển hệ thống đô thị và các điểm dân cư; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch phát triển các ngành, các lĩnh vực để bảo đảm sự phát triển tổng thể và đồng bộ.

2. Lập các kế hoạch 5 năm, hàng năm; các chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trọng điểm; các dự án cụ thể để tập trung đầu tư, bố trí ưu tiên đầu tư một cách hợp lý.

3. Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành (nếu vấn đề vượt quá thẩm quyền) một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của Tỉnh trong từng giai đoạn, nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.

Điều 3. Giao các Bộ, ngành Trung ương liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình hỗ trợ Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai nghiên cứu, lập các quy hoạch nói trên; nghiên cứu xây dựng và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lào Cai trong từng giai đoạn nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, khuyến khích, thu hút đầu tư để bảo đảm thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh nêu trong Quy hoạch. Đẩy nhanh việc đầu tư, thực hiện các công trình, dự án có quy mô, tính chất vùng và quan trọng đối với sự phát triển của tỉnh Lào Cai đã được quyết định đầu tư. Nghiên cứu, xem xét điều chỉnh, bổ sung vào các quy hoạch phát triển ngành, kế hoạch đầu tư các công trình, dự án liên quan dự kiến sẽ được đầu tư nêu trong Quy hoạch.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.//

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ban Chỉ đạo Tây Bắc;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Lào Cai;
- Văn phòng BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Website Chính phủ, Người phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc và Công báo;
- Lưu: Văn thư, ĐP (5b) 130

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng



Phụ lục

**DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN
CÔNG NGHIỆP CỨU ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN TỪ NAY ĐẾN NĂM 2020**

*hành kèm theo Quyết định số 46/2008/QĐ-TTg
tháng 3 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ)*

STT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM
I	CÔNG NGHIỆP	
1	Dự án nâng công suất nhà máy tuyển quặng apatit Tầng Loỏng giai đoạn II và xây dựng nhà máy tuyển Bắc Nhạc Sơn, Làng Phúng...	Huyện Bảo Thắng, thành phố Lào Cai
2	Dự án xây dựng nhà máy gang thép Lào Cai	Huyện Bảo Thắng
3	Dự án khai thác và chế biến quặng sắt Quý Sa	Huyện Văn Bàn
4	Dự án xây dựng nhà máy luyện đồng kim loại	Huyện Bát Xát
5	Dự án xây dựng nhà máy xi măng lò quay	Huyện Bảo Thắng
6	Dự án xây dựng nhà máy gạch không nung	Huyện Bảo Thắng
7	Dự án xây dựng nhà máy luyện gang Công ty Khoáng sản III	Huyện Bảo Thắng
8	Dự án xây dựng nhà máy DAP và hóa chất cơ bản	Thành phố Lào Cai, Huyện Bảo Thắng
9	Dự án xây dựng cảng cạn ICD khu Đông Phố Mới	Thành phố Lào Cai
10	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp Tầng Loỏng	Huyện Bảo Thắng
11	Dự án xây dựng đường điện 220KV Yên Bái - Lào Cai	Lào Cai - Yên Bái
12	Dự án xây dựng đường dây tải điện 110KV	Toàn Tỉnh
13	Dự án xây dựng trạm biến áp 220/110/35KV-125MVA	Thành phố Lào Cai
14	Dự án xây dựng cấp điện khu đô thị mới Lào Cai, khu công nghiệp Đông Phố Mới, khu công nghiệp - thương mại Kim Thành	Thành phố Lào Cai
15	Dự án xây dựng đường dây 220KV Bắc Hà - Lào Cai	Bắc Hà - Lào Cai
16	Dự án xây dựng đường vận chuyển quặng 151, 156	Các huyện: Văn Bàn, Bảo Thắng, Bát Xát
17	Dự án xây dựng các xưởng sản xuất chế biến nông - lâm sản	Các huyện
18	Dự án xây dựng các cơ sở nhỏ khai thác, chế biến khoáng sản	Các huyện
19	Dự án xây dựng đầu tư lưới điện trung + hạ áp	Các huyện

20	Dự án khai thác, phát triển năng lượng điện các xã vùng cao	Các huyện
21	Dự án chế biến gỗ rừng trồng	Các huyện
22	Dự án bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp: ngô, đỗ, đậu tương, thuốc lá	Các huyện
23	Dự án xây dựng nhà máy chế biến chè tinh chế	Phong Hải (Huyện Bảo Thắng)
24	Dự án khôi phục và phát triển một số làng nghề truyền thống	Các huyện
II	GIAO THÔNG	
25	Dự án cải tạo đường sắt Hà Nội - Lào Cai (địa phận Lào Cai)	Lào Cai - Yên Bái
26	Dự án xây dựng mới đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai	Hà Nội - Lào Cai
27	Dự án cải tạo QL70, đoạn km109 - km188	Lào Cai - Yên Bái
28	Dự án xây dựng sân bay Lào Cai	Thành phố Lào Cai
29	Dự án xây dựng cầu Giang Đông	Thành phố Lào Cai
30	Dự án xây dựng cảng sông Hồng	Thành phố Lào Cai
31	Dự án xây dựng cầu Làng Giàng	H. Bảo Thắng
32	Dự án cải tạo, nâng cấp đường Bắc Hà - Si Ma Cai	Bắc Hà - Si Ma Cai
33	Dự án xây dựng đường Mường Hum - Ý Tý - Cốc Mỳ - Bản Vược	Huyện Bát Xát
34	Dự án xây dựng đường QL4E, đoạn km0 - km36	Thành phố Lào Cai
35	Dự án xây dựng đường QL4D, đoạn km89 - km103	Thành phố Lào Cai
36	Dự án xây dựng đường QL279, đoạn km36 - km148	Bảo Yên - Văn Bàn
37	Dự án xây dựng cầu Cốc Lếu (nâng cấp, cải tạo)	Thành phố Lào Cai
38	Xây dựng 12 tuyến tỉnh lộ	Các huyện
39	Xây dựng đường đến trung tâm các xã, liên xã	Các huyện
40	Xây dựng 6 tuyến đường ra biên giới	Các huyện
41	Xây dựng 11 tuyến đường tuần tra biên giới	Các huyện
42	Dự án xây dựng, nâng cấp đường liên thôn (570 thôn, bản)	Các huyện
III	NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	
43	Xây dựng mới và nâng cấp 242 công trình thủy lợi	Các huyện
44	Dự án cấp nước sinh hoạt nông thôn	Các huyện
45	Dự án xây dựng cửa hàng vật tư nông nghiệp	Các huyện
46	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng trung tâm cụm xã	Các huyện
47	Dự án xây dựng chợ nông thôn	Các huyện
48	Dự án xây dựng cơ sở nhân giống cây trồng, chăn nuôi, thủy sản	Các huyện

49	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sắp xếp dân cư	Các huyện
50	Dự án trồng 5 triệu ha rừng	Các huyện
51	Dự án hỗ trợ đầu tư định canh định cư	Các huyện
52	Dự án xây dựng kè 2 bên bờ sông Hồng, đoạn từ cầu Cốc Lều đến cầu Phố Mới	TP. Lào Cai
53	Dự án trồng cây ăn quả chất lượng cao	Các huyện: Sa Pa, Bắc Hà
54	Dự án trồng rau an toàn	Các huyện: Sa Pa, Bắc Hà
55	Dự án phát triển trồng hoa cao cấp, hoa xuất khẩu	Các huyện: Sa Pa, Bắc Hà
56	Dự án bảo tồn hệ sinh thái Vườn quốc gia Hoàng Liên, Khu bảo tồn thiên nhiên Hoàng Liên - Văn Bàn	Các huyện: Sa Pa, Văn Bàn
57	Dự án phát triển nuôi trồng thủy sản	Các huyện
IV	BƯU CHÍNH - VIỄN THÔNG	
58	Dự án xây dựng, nâng cấp hệ thống bưu chính - viễn thông	Toàn Tỉnh
V	THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - DU LỊCH	
59	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu thương mại - công nghiệp Kim Thành	Thành phố Lào Cai
60	Dự án xây dựng Trung tâm thương mại cửa khẩu quốc tế Lào Cai	Thành phố Lào Cai
61	Dự án xây dựng Trung tâm hội chợ triển lãm Khu thương mại - công nghiệp Kim Thành	Thành phố Lào Cai
62	Dự án xây dựng chợ trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Các huyện
63	Dự án xây dựng chợ khu đô thị	Toàn Tỉnh
64	Dự án xây dựng khu nhà ở đô thị	Thành phố Lào Cai
65	Dự án xây dựng khu chung cư nhà ở cho công nhân	KCN Tăng Loong, Đông Phố Mới
66	Dự án xây dựng siêu thị, cửa hàng	Toàn Tỉnh
67	Dự án xây dựng Trung tâm đo lường giám định chất lượng hàng hóa Lào Cai	Thành phố Lào Cai
68	Dự án xây dựng khách sạn, nhà nghỉ	Thành phố Lào Cai; các huyện: Sa Pa, Bắc Hà, Bảo Thắng
69	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng du lịch khác	Toàn Tỉnh
VI	CẤP NƯỚC ĐÔ THỊ	
70	Dự án cấp nước sinh hoạt khu đô thị mới Lào Cai - Cam Đường, huyện Bảo Yên, huyện Văn Bàn, thị trấn Tăng Loong	Thành phố Lào Cai; các huyện: Bảo Yên, Văn Bàn, Bảo Thắng
VII	CƠ SỞ HẠ TẦNG ĐÔ THỊ	
71	Dự án xây dựng mạng đường nội thị khu đô thị mới Lào Cai - Cam Đường	Thành phố Lào Cai

72	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật sau kè sông Hồng, đoạn từ cầu Cốc Lếu đến cầu Phố Mới	Thành phố Lào Cai
73	Dự án xây dựng hệ thống điện chiếu sáng khu đô thị mới Lào Cai - Cam Đường	Thành phố Lào Cai
74	Dự án xử lý nước thải, rác thải đô thị	Thành phố Lào Cai, H. Sa Pa
VIII	KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ - MÔI TRƯỜNG	
75	Dự án xây dựng hệ thống công nghệ thông tin các cơ quan tỉnh Lào Cai	Toàn Tỉnh
76	Dự án xử lý nước thải khu đô thị mới, khu công nghiệp	Thành phố Lào Cai; các huyện: Bảo Thắng, Bát Xát
77	Dự án xây dựng công viên trung tâm khu đô thị mới Lào Cai - Cam Đường	Thành phố Lào Cai
78	Dự án phát triển hệ thống cây xanh đô thị khu đô thị mới Lào Cai - Cam Đường	Thành phố Lào Cai
IX	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO	
79	Dự án xây dựng Trường Đại học Cộng đồng Lào Cai	Thành phố Lào Cai
80	Trường Trung cấp Văn hóa - Nghệ thuật - Du lịch	Thành phố Lào Cai
81	Trường Trung cấp nghề Lào Cai	Thành phố Lào Cai
82	Trường Trung học Kinh tế - kỹ thuật Lào Cai	Thành phố Lào Cai
83	Trường Đại học Sư phạm Lào Cai	Thành phố Lào Cai
84	Dự án kiên cố hóa trường lớp học giai đoạn 2 (2.000 phòng)	Các huyện
85	Dự án cải tạo, nâng cấp trung tâm giáo dục thường xuyên	Các huyện, thành phố
86	Dự án xây dựng các trường nội trú, trung tâm dạy nghề, các trường mầm non	Các huyện, thành phố
87	Dự án đào tạo giáo viên dạy nghề tỉnh Lào Cai	Các huyện, thành phố
X	Y TẾ - DỊCH VỤ XÃ HỘI	
88	Dự án xây dựng Bệnh viện đa khoa 500 giường Lào Cai	Thành phố Lào Cai
89	Xây dựng Bệnh viện điều dưỡng phục hồi chức năng Lào Cai	Huyện Bắc Hà
90	Dự án nâng cấp Bệnh viện Bảo Thắng	Huyện Bảo Thắng
91	Dự án nâng cấp giai đoạn 2 các bệnh viện Mường Khương, Bát Xát, Văn Bàn, Bắc Hà và các huyện khác	Các huyện
92	Dự án cung cấp trang thiết bị cho bệnh viện tỉnh, huyện	Toàn Tỉnh

93	Dự án xây dựng, nâng cấp trạm y tế xã, phòng khám...	Các huyện
94	Dự án nâng cấp và đầu tư thiết bị trạm y tế cụm xã	Các huyện
95	Dự án đào tạo y tế thôn bản, bà đỡ dân gian xã đặc biệt khó khăn	Các huyện
96	Dự án ngăn ngừa và phòng chống HIV/AIDS, chống nhiễm khuẩn cấp	Các huyện, thành phố
XI	VĂN HÓA THÔNG TIN - THỂ DỤC THỂ THAO	
97	Dự án Làng văn hóa dân tộc	Thành phố Lào Cai
98	Dự án xây dựng trung tâm văn hóa - nhà bảo tàng - thư viện	Thành phố Lào Cai
99	Dự án trùng tu, tôn tạo và xây mới các công trình văn hóa	Các huyện, thành phố
100	Dự án bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc tỉnh Lào Cai	Các huyện, thành phố
101	Dự án xây dựng nhà văn hóa + trung tâm văn hóa + thể thao	Các huyện, thành phố
102	Dự án xây dựng nhà thi đấu đa năng	Thành phố Lào Cai
103	Dự án xây dựng sân vận động	Thành phố Lào Cai
104	Dự án xây dựng khu thể thao dưới nước	Thành phố Lào Cai
105	Dự án xây dựng trung tâm huấn luyện và phục hồi sức khỏe vận động viên	Huyện Sa Pa
106	Dự án xây dựng tuyến đường thể thao leo núi chinh phục đỉnh Fansipan	Huyện Sa Pa
107	Dự án xây dựng Trung tâm huấn luyện bóng bàn phía Bắc	Thành phố Lào Cai
108	Dự án xây dựng hệ thống thiết chế TDTT cấp huyện	Các huyện
XII	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	
109	Dự án xây dựng các trụ sở cơ quan tỉnh tại Khu đô thị mới	Thành phố Lào Cai
110	Dự án xây dựng Trung tâm hội nghị tỉnh Lào Cai	Thành phố Lào Cai
111	Dự án xây dựng các trụ sở cơ quan ngành dọc Trung ương trên địa bàn tại khu đô thị mới	Thành phố Lào Cai
112	Dự án xây dựng Đài phát thanh và truyền hình tại khu đô thị mới Lào Cai	Thành phố Lào Cai
113	Dự án kiên cố trụ sở các xã, phường	Các huyện, thành phố
XIII	PHÁT THANH - TRUYỀN HÌNH	
114	Dự án xây dựng các trạm phát lại truyền hình	Các huyện, thành phố
115	Dự án nâng cấp các trạm phát thanh FM và trạm truyền thanh	Các huyện, thành phố

XIV	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KHÁC	
116	Dự án xây dựng kè Quang Kim	Huyện Bát Xát
117	Dự án xây dựng kè xã Trịnh Tường	Huyện Bát Xát
118	Dự án xây dựng kè Tùng Sáng 1 - A Mú Sung	Huyện Bát Xát
119	Dự án xây dựng kè Tùng Sáng 2 - A Mú Sung	Huyện Bát Xát
120	Dự án xây dựng kè Ma Cò - Nậm Chạc	Huyện Bát Xát
121	Dự án xây dựng kè Bản Mo - Trịnh Tường	Huyện Bát Xát
122	Dự án xây dựng kè Bản Trang - Cốc Mỹ	Huyện Bát Xát
123	Dự án xây dựng kè Na Mo - Bản Phiệt	Huyện Bảo Thắng
124	Dự án xây dựng kè khu vực cầu Phố Lu	Huyện Bảo Thắng
125	Dự án xây dựng kè khu vực Nhà máy nước Lào Cai	Thành phố Lào Cai

* **Ghi chú:** Về vị trí, quy mô, diện tích chiếm đất, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động các nguồn lực của từng thời kỳ./.